

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HC-ST
Ngày 04-10-2021
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Sang;

Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thòn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2020/TLST-HC ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HC ngày 17 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Thạch L, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch L: Ông Trần Văn T, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 8 năm 2020).

- Người bị kiện: Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C.

Địa chỉ: Số 67 L, Phường 4, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T; chức vụ: Chi cục trưởng (vắng mặt).

Ông Phạm Minh T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn T1; chức vụ: Phó Chi cục trưởng (có mặt) (văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 3 năm 2020; ngày 21 tháng 7 năm 2021 và ngày 01 tháng 10 năm 2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Thạch L (ủy quyền cho ông Trần Văn T) trình bày: Vào năm 2016, ông L có làm đơn xin chuyển mục đích sử dụng phần đất từ trồng lúa sang đất ở với diện tích 300m², thuộc thửa số 1838, tờ bản đồ số 38 tại ấp T, xã Hòa L, huyện C, tỉnh Trà Vinh đã được miễn tiền sử dụng đất. Nay Nhà nước xem xét, xác minh ông không đủ điều kiện miễn nên buộc ông nộp tiền khắc phục.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, ông L ủy quyền cho ông Trần Văn T đến Chi cục Thuế huyện C nộp tiền khắc phục với tổng số tiền 382.217.100 đồng. Trong đó tiền chuyển mục đích là 282.020.000 đồng, tiền lệ phí trước bạ là 1.545.100 đồng, tiền chậm nộp là 98.652.000 đồng.

Do thấy số tiền chậm nộp là 98.652.000 đồng là không hợp lý, ngày 07 tháng 9 năm 2020 ông L làm đơn khiếu nại không đồng ý số tiền chậm nộp. Ngày 09 tháng 9 năm 2020, Chi cục Thuế khu vực Thành phố T - C ban hành Công văn số: 7908/CCT-NVQLT không chấp nhận khiếu nại của ông.

Nay ông L yêu cầu Tòa án hủy Công văn số: 7908/CCT-NVQLT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thuế khu vực Thành phố T - C; buộc Chi cục Thuế khu vực Thành phố T - C thôi thu số tiền chậm nộp là 98.652.000 đồng và tính tiền lãi theo lãi suất 6%/năm từ ngày 24 tháng 02 năm 2020 cho đến khi thi hành án xong.

Theo văn bản trả lời của Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C; các lời khai của người đại diện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C trình bày: Ngày 15 tháng 11 năm 2019 Ủy ban nhân dân huyện C thành lập Tổ khảo sát các trường hợp miễn tiền sử dụng đất đối với người dân tộc trên địa bàn huyện C. Qua rà soát, tổ công tác phát hiện nhiều trường hợp có lợi dụng chính sách cho người dân tộc thiểu số để trục lợi, trong đó liên quan đến ông Trần Văn T (làm môi giới, cò đất) có 06 hồ sơ với tổng số tiền được miễn, giảm là 1.960.030.000 đồng. Trong đó có hồ sơ ông Thạch L được miễn, giảm tiền sử dụng đất là 282.020.000 đồng và miễn tiền lệ phí trước bạ là 1.545.100 đồng.

Tổ khảo sát đã tiến hành làm việc với ông Thạch L, ông Thạch L1 (cha ruột ông Thạch L) và ông Trần Văn T. Ông L và ông L1 thừa nhận có đứng tên quyền sử dụng đất giùm cho bà Trịnh Thị L2 và bà Lâm Thị Bích L3. Ông T cũng thừa nhận có sai sót trong việc lợi dụng chính sách Nhà nước nên đồng ý đóng nộp lại tiền để khắc phục hậu quả cho bà Trịnh Thị L2 với số tiền 763.540.000 đồng và cho bà Lâm Thị Bích L3 là 282.020.000 đồng.

Căn cứ kết quả tiếp xúc, tổ khảo sát đã tiến hành vận động ông L, ông T nộp khắc phục số tiền trên. Ngày 24 tháng 02 năm 2020, ông T thừa ủy quyền của ông L đến Chi cục Thuế viết đơn xin được nộp khắc phục số tiền sử dụng đất nêu trên.

Căn cứ đơn xin nộp thuế của ông T, Chi cục Thuế đã xác định lại số tiền phải nộp đối với hồ sơ đã miễn, giảm cho ông Thạch L gồm: Tiền chuyển mục đích là 282.020.000 đồng, tiền lệ phí trước bạ là 1.545.100 đồng, tiền chậm nộp là 98.652.258 đồng (ngày chậm nộp được tính từ ngày 12 tháng 10 năm 2016). Khoản tiền chậm nộp Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C căn cứ khoản 1 Điều 34 Luật Quản lý thuế năm 2006; điểm c.2 khoản 5 Điều 10 Thông tư số 56/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ để xem xét.

Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C cho rằng ông Thạch L, ông Trần Văn T (đại diện cho bà Trịnh Thị L2 và bà Lâm Thị Bích L3) đều thừa nhận có sai sót trong việc lợi dụng chính sách miễn giảm tiền sử dụng đất đối với đồng bào dân tộc thiểu số để trục lợi là sai quy định của pháp luật và tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả. Công văn số: 7908/CCT-NVQLT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C không phải là quyết định giải quyết khiếu nại. Do đó Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên qua đối thoại người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định. Căn cứ khoản 1 Điều 140 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 38; Điều 125; Điều 126; Điều 133; Điều 136; Điều 138; Điều 20; Điều 130; Điều 146; Điều 147 của Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên Thẩm phán không thông báo cho đương sự nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu trả lại tiền và bồi thường thiệt hại là có vi phạm về thủ tục tố tụng.

Về tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 39; Điều 117 của Luật Tố tụng hành chính.

Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 41; Điều 153 của Luật Tố tụng hành chính.

Về thủ tục tại phiên tòa: Đã được tiến hành đầy đủ, đúng quy định tại Điều 167; Điều 169; Điều 172; Điều 177; Điều 188; Điều 189 của Luật Tố tụng hành chính.

Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với người khởi kiện: Đã thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 60; Điều 55; Điều 56; Điều 9; Điều 78; Điều 155; Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính.

Đối với người bị kiện: Đã thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 60; Điều 9; Điều 55; Điều 57; Điều 83; Điều 155; Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để bổ sung phần yêu cầu nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của người khởi kiện, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Đối tượng khởi kiện trong vụ án này là Công văn số: 7908/CCT-NVQLT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thuế khu vực Thành phố T - C và yêu cầu hoàn trả lại tiền chậm nộp. Xét thấy Công văn số: 7908/CCT-NVQLT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thuế khu vực Thành phố T - C tuy không mang hình thức quyết định nhưng là văn bản do cơ quan quản lý nhà nước về thuế ban hành, để giải quyết khiếu nại của ông Thạch L về việc tính tiền chậm nộp đối với số tiền sử dụng đất nộp khắc phục. Căn cứ khoản 1 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính thì đây cũng là quyết định hành chính. Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C là cơ quan hành chính cấp huyện cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31 của Luật Tố tụng hành chính thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Ngày 09 tháng 9 năm 2020, Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C ban hành Công văn số: 7908/CCT-NVQLT giải quyết khiếu nại của ông Thạch L. Ngày 13 tháng 10 năm 2020 Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của ông Thạch L. Căn cứ khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính thì ông Thạch L là người có quyền khởi kiện và vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Công văn số: 7908/CCT-NVQLT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thuế khu vực Thành phố T - C ban hành để giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý thuế. Căn cứ khoản 7 Điều 18 của Luật quản lý thuế 2019 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020); Điều 19 của Luật Khiếu nại năm 2011 thì Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C ban hành văn bản giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền.

[4] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Luật quản lý thuế 2019 thì thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Ngày 07 tháng 9 năm 2020, Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C nhận được đơn khiếu nại của ông Thạch L khiếu nại về việc tính tiền chậm nộp đối với số tiền sử dụng đất nộp khắc phục. Đến ngày 09 tháng 9 năm 2020, Chi cục Thuế khu vực thành phố T

- C có văn bản trả lời khiếu nại của ông Thạch L. Căn cứ Điều 27; Điều 28; Điều 29 của Luật Khiếu nại năm 2011 thì Chi cục Thuế khu vực thành phố Trà Vinh thực hiện đúng quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại. Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C xác định khiếu nại của ông Thạch L là không đúng nhưng trước đó Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C không tổ chức đối thoại với người khiếu nại đồng thời ban hành công văn trả lời khiếu nại mà không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là chưa đúng với quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; khoản 3 Điều 6 của Luật Khiếu nại năm 2011.

[5] Về nội dung giải quyết khiếu nại: Ông Thạch L khiếu nại về tính tiền chậm nộp đối với số tiền sử dụng đất nộp khắc phục. Ông L cho rằng Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số: 4578/TB-CCT và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: 4578/TB-CCT cùng ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thuế huyện C (nay là Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C) xác định số tiền ông L phải nộp là 0 đồng. Đến ngày 24 tháng 02 năm 2020 Chi cục thuế huyện C mới ra Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số: 294/TB-CCT và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: 294/TB-CCT xác định lại số tiền lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất ông L phải nộp tổng cộng là 283.565.100 đồng. Từ ngày 12 tháng 10 năm 2016 đến ngày 24 tháng 02 năm 2020 ông L cho rằng bản thân không nợ tiền thuế nên cơ quan thuế tính tiền chậm nộp đối với ông L là không đúng. Đối với Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C viện dẫn quy định tại điểm c.2 khoản 5 Điều 10 của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ để tính tiền chậm nộp của ông Thạch L từ ngày 12 tháng 10 năm 2016.

[6] Đối với ý kiến của các bên, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét thấy việc Chi cục Thuế huyện C tính tiền chậm nộp đối với ông Thạch L là không phù hợp. Bồi lẽ điểm c.2 khoản 5 Điều 10 của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 quy định: *“Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm tăng tiền thuế phải nộp thì lập hồ sơ khai bổ sung và tự xác định tiền chậm nộp căn cứ vào số tiền thuế phải nộp tăng thêm, số ngày chậm nộp và mức tính chậm nộp theo quy định. Trường hợp người nộp thuế không tự xác định hoặc xác định không đúng số tiền chậm nộp thì cơ quan thuế xác định số tiền chậm nộp và thông báo cho người nộp thuế biết”*. Chi cục Thuế huyện C căn cứ vào đơn xin nộp thuế ngày 24 tháng 02 năm 2020 của ông Trần Văn T (nộp thuế thay cho ông Thạch L và ông Thạch L1) để hướng dẫn khai bổ sung hồ sơ khai thuế và xác định lại số tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ phải nộp. Nội dung đơn này không thể hiện việc ông T tự xác định số tiền chậm nộp. Ngày 24 tháng 02 năm 2020 Chi cục Thuế huyện C ra Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số: 294/TB-CCT và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: 294/TB-CCT xác định lại số tiền lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất ông L phải nộp tổng cộng là 283.565.100 đồng. Thời hạn nộp tiền theo 02 thông báo trên tính từ ngày 24 tháng 02 năm 2020. Nội dung thông báo chỉ thể hiện số tiền thuế và lệ phí trước bạ phải nộp, không thể hiện số tiền chậm nộp phải nộp. Trong ngày 24 tháng 02 năm 2020 ông Trần Văn T đã nộp xong. Đến ngày 25 tháng 02 năm 2020 Chi cục Thuế huyện C mới ra Thông báo số: 309/TB-

CCT hủy Thông báo số: 4578/TB-CCT ngày 20 tháng 10 năm 2016 (xác định nghĩa vụ nộp thuế và lệ phí trước bạ là 0 đồng). Căn cứ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất thì ông Thạch L nộp tiền sử dụng đất đúng thời gian quy định.

[7] Như vậy căn cứ vào các quy định được Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C viện dẫn và quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế năm 2016; điểm c khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ thì thời hạn nộp thuế theo Thông báo số: 294/TB-CCT tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2020. Chi cục Thuế huyện C không ban hành, quyết định, thông báo hay văn bản nào thông báo cho ông Thạch L phải nộp tiền chậm nộp. Ông Thạch L nộp bổ sung số tiền 283.565.100 đồng là thực hiện đúng theo thông báo của Chi cục Thuế huyện C. Căn cứ thời gian nộp thuế theo Thông báo số 294/TB-CCT ngày 24 tháng 12 năm 2020 thì ông Thạch L đã nộp đúng thời hạn nên Chi cục Thuế huyện C tính tiền chậm nộp đối với ông Thạch L là không phù hợp.

[8] Trường hợp cơ quan thuế cho rằng ông Thạch L, ông Trần Văn T và những người liên quan có hành vi gian dối để hưởng chính sách ưu đãi của nhà nước thì cơ quan thuế có quyền xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm và tiến hành việc truy thu theo quy định của pháp luật. Việc người vi phạm tự nguyện nộp đầy đủ các khoản tiền cần phải nộp sẽ là căn cứ xem xét giảm nhẹ khi xử lý vi phạm. Trường hợp người vi phạm không tự nguyện nộp hoặc cố tình gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong việc thu hồi tiền thất thoát thì sẽ không được xem xét tình tiết giảm nhẹ khi xử lý vi phạm.

[9] Từ các phân tích nêu trên, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét thấy việc Chi cục Thuế huyện C cho phép ông Thạch L nộp lại số tiền sử dụng đất và tiền lệ phí trước bạ là phù hợp. Tuy nhiên việc Chi cục Thuế huyện C tính tiền chậm nộp đối với ông Thạch L là chưa đủ căn cứ. Công văn số: 7908/CCT-NVQLT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thuế khu vực Thành phố T - C không đảm bảo về trình tự, thủ tục, hình thức ban hành. Nội dung giải quyết khiếu nại theo văn bản trên không đảm bảo các quy định của pháp luật. Do đó ông Thạch L yêu cầu hủy Công văn số: 7908/CCT-NVQLT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thuế khu vực Thành phố T - C là có căn cứ để chấp nhận.

[10] Đối với yêu cầu của ông Thạch L về việc trả lại số tiền chậm nộp và tính tiền lãi theo lãi suất 6%/năm từ ngày 24 tháng 02 năm 2020 cho đến khi thi hành án xong. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận thấy: Căn cứ Điều 7 của Luật Tố tụng hành chính thì người khởi kiện có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính gây ra. Công văn số: 7908/CCT-NVQLT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thuế khu vực Thành phố T - C là quyết định giải quyết khiếu nại của ông Thạch L đối với số tiền chậm nộp ông L đã nộp xong. Như vậy số tiền ông L cho rằng bản thân bị thiệt hại phát sinh trước khi cơ quan thuế ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Thiệt hại mà đương sự yêu cầu không phải

do quyết định giải quyết khiếu nại gây ra mà đã phát sinh từ trước đó, do hành vi hành chính khác. Trong vụ án này, Tòa án chỉ xem xét đến tính hợp lệ của quyết định hành chính. Trường hợp yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận thì sau khi bản án có hiệu lực, người khởi kiện có quyền yêu cầu Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C hoàn trả lại số tiền chậm nộp hoặc khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại trong một vụ án khác. Đối với yêu cầu này của người khởi kiện Hội đồng xét xử không xem xét nên không cần thiết phải cho đương sự nộp tạm ứng án phí bổ sung.

[11] Về án phí: Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 31; Điều 193; Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch L. Tuyên hủy Công văn số: 7908/CCT-NVQLT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C V/v trả lời đơn khiếu nại của ông Thạch L về tính tiền chậm nộp hồ sơ đất.

Về án phí: Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Thạch L số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0001384 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo: Ông Thạch L và Chi cục Thuế khu vực thành phố T - C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THANDS huyện Châu Thành;
- Cục Thuế tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Khoa